

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Hồng Hải

Ông Nguyễn Xuân Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 399/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Phương N, sinh năm 1978; địa chỉ: A đường Đ, Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Nghiêm Văn L, sinh năm 1976; địa chỉ: 1 đường Đ, Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Phương N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, bà N và ông L sinh sống tại

Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống hôn nhân có nhiều va chạm, bà N thường xuyên bị xúc phạm nhân phẩm và có đôi lần bị bạo hành. Đến năm 2015, ông L bị bắt về tội ma túy và bị kết án 16 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ – Bộ C (đội 22, phân trại 2). Trong thời gian này, bà N vẫn cố gắng thăm nuôi đầy đủ, đến năm 2016, do có sự mâu thuẫn từ phía gia đình nhà chồng và có sự đồng ý của chồng nên bà N đã giao lại căn nhà 1/68 Đào Duy T cho chị chồng ở đến nay và bà N đã ra khỏi nhà từ đó. Hiện bà N đang ở nhà mẹ đẻ cùng với 2 con. Đến nay, bà N thấy không còn tình cảm, hôn nhân không thể hàn gắn nên đề nghị Toà án cho bà được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà N và ông L có 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008. Khi ly hôn bà đề nghị giao 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008 cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên không đề nghị Toà án xem xét.

- Về tài sản chung: Bà N và ông L không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N và ông L không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

2. Theo bản tự khai của bị đơn ông Nghiêm Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà N đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi ông L bị bắt đi chấp hành án thì tình cảm rạn nứt. Trong thời gian chấp hành án, bà N có đi thăm nuôi được 4 năm đầu, từ năm 2019 đến nay thì bà N không thăm nuôi nữa nhưng vẫn gửi tiền sinh hoạt và bưu phẩm. Hiện nay thời gian chấp hành án của ông L còn 10 tháng nữa là được trả tự do. Ngoài ra, ông L còn tình cảm với bà N nên ông L có nguyện vọng được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: Ông L và bà N có 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008. Nếu phải ly hôn, ông L đồng ý giao 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008 cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên.

- Về tài sản chung: Ông L và bà N không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông L và bà N không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nghiêm Văn L hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ – Bộ C, ông L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc tổ chức phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông Nghiêm Văn L có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Lê Phương N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Nghiêm Văn L. Về con chung, bà N xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008. Khi ly hôn bà đề nghị giao 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008 cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên không đề nghị Tòa án xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nghiêm Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Phương N, cho bà N được ly hôn với ông Nghiêm Văn L. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008 cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên không đề nghị Tòa án xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Phương N và ông Nghiêm Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố

Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 04/8/2004. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn cư trú tại Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nghiêm Minh L2 đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 04/8/2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, bà N và ông L2 sinh sống tại Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng. Theo lời trình bày của bà N thì cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà N cương quyết muốn ly hôn. Từ năm 2010, ông L2 bắt đầu sử dụng ma túy và bạo hành, chửi bới bà N. Từ năm 2016, bà N đã dọn về ở nhà mẹ đẻ, không ở nhà ông L2. Ông L2 không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ nhưng hiện tại ông L2 đang chấp hành án tại Trại giam Đ, không thể có giải pháp để vợ chồng hàn gắn, bà N cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với ông L2. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông L2 đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xử cho bà N và ông L2 được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

- Về con chung: Bà N và ông L2 có 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008. Khi ly hôn bà đề nghị giao 02 con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008 cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Xét thấy, hai con chung cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang ở cùng bà N, con đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bà N nên cần giao cháu Nghiêm Minh P và cháu Nghiêm Minh L1 cho bà N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Phương N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn bà Lê Phương N đối với bị đơn ông Nghiêm Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Phương N và ông Nghiêm Văn L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nghiêm Minh P, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Nghiêm Minh L1, sinh ngày 01/7/2008 cho bà Lê Phương N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên Toà án không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Lê Phương N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000433 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (nay là Phòng

Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Lâm Đồng), tỉnh Lâm Đồng, bà N đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Lâm Đồng;
- UBND phường Xuân Hương - Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: Bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Lương

